

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
công trình Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án Đường ven biển Dung Quất- Sa Huỳnh, giai đoạn IIb;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách trung ương (đợt 03);

Căn cứ các Quyết định: Số 1726/QĐ-CT ngày 16/6/2005 và số 428/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-BQL ngày 27/01/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo kết quả thẩm định số 467/SGTVT-QLCL ngày 08/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIb.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.
4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu: Nhằm từng bước hoàn thiện tuyến đường ven biển theo quy hoạch đã phê duyệt, đảm bảo giao thông thuận lợi, phát huy hiệu quả đối với các đoạn tuyến đã đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực và quốc phòng, an ninh.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Chiều dài tuyến $L=6,55\text{km}$, gồm 03 đoạn tuyến: Đoạn Km20+535-Km23+697 ($L=3,16\text{km}$, kết nối với đô thị Vạn Tường, huyện Bình Sơn); đoạn Km27+690-Km29+500 ($L=1,81\text{km}$, qua huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi); đoạn Km31+870-Km33+450 ($L=1,58\text{km}$, qua thành phố Quảng Ngãi). Trong đó có các công trình cầu, gồm: Cầu Quỳnh Lưu, Km24+292, chiều dài $L_c=410,5\text{m}$; cầu Quang Mỹ, Km32+704, chiều dài $L_c=691,5\text{m}$; mở rộng cầu Khê Hòa hiện trạng, Km33+544, chiều dài $L_c=42,3\text{m}$.

+ Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số	
			Đoạn Km20+535-Km23+697	Đoạn Km27+690-Km29+500 và Km31+870-Km33+450
1	Cấp thiết kế đường (TCVN 4054-2005)		Đường Cấp III – Đồng bằng	
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	80	60 (qua khu vực dân cư)
3	Bề rộng			
	+ Nền đường	m	12,0	
	+ Mặt đường và lề gia cố	m	$(3,5+2,0)\times 2=11,0$	
	+ Lề đường	m	$0,5\times 2=1,0$	
4	Dốc ngang mặt đường và	%	2	

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số	
			Đoạn Km20+535- Km23+697	Đoạn Km27+690- Km29+500 và Km31+870-Km33+450
	lề giao cổ			
5	Dốc ngang lề đường	%	6	
6	Kết cấu mặt đường		BTN - Cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140 \text{MPa}$	
7	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất	m	250	125
8	Độ dốc dọc lớn nhất	%	5	4
9	Tải trọng thiết kế			
9.1	Tuyến đường	KN	100	
9.2	Công trình trên tuyến			
	+ Cống qua đường		H30-XB80	
	+ Cầu		Hoạt tải HL-93 và tải trọng bộ hành 0,003MPa	
10	Tần suất thiết kế			
10.1	Nền đường, cầu nhỏ và cống	%	4	
10.2	Cầu trung và cầu lớn	%	1	

- Hệ thống an toàn giao thông.

- Điện chiếu sáng.

c) Giải pháp thiết kế:

c1) Bình đồ: Hướng và tìm tuyến thiết kế tuân thủ các điểm khống chế tọa độ theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, kết nối vào các tuyến đường đã xây dựng theo quy hoạch và các tuyến đường hiện hữu, đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế của tuyến đường.

c2) Trắc dọc: Thiết kế cao độ đường đồ theo cao độ các điểm khống chế theo quy hoạch được duyệt và các điểm kết nối với các đường hiện hữu, đảm bảo thoát nước, ổn định nền đường, hài hòa với thiết kế bình đồ, trắc ngang, đảm bảo kinh tế, êm thuận và an toàn cho xe chạy.

c3) Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền $B_n=12,0\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m} \times 2=7,0\text{m}$, bề rộng lề gia cố $B_{lgc}=2,0\text{m} \times 2=4,0\text{m}$, bề rộng lề đường (không gia cố) $B_{ld}=0,5\text{m} \times 2=1,0\text{m}$; mặt đường dốc hai má, độ dốc mặt đường và lề gia cố $i_m=2\%$, khi vào đường

cong nằm nhỏ có bố trí siêu cao với độ dốc siêu cao lớn nhất $i_{sc}=8\%$; độ dốc lề đường $i_{ld}=6\%$.

c4) Nền đường:

- Nền đào: Đào đến cao trình thiết kế, lu lên nền tự nhiên đạt độ chặt $K \geq 0,95$; 30cm trên cùng đắp đất đồi đầm chặt $K \geq 0,98$, đảm bảo $CBR \geq 6$; mái đào $m=1:1,0$.

- Nền đắp: Vét hữu cơ, bóc đất phong hóa trước khi đắp bằng đất đồi đầm chặt $K \geq 0,95$, đảm bảo $CBR \geq 4$; 50cm trên cùng đắp đất đồi đầm chặt $K \geq 0,98$, đảm bảo $CBR \geq 6$; mái đắp $m=1:1,5$. Các đoạn tuyến bị ngập nước, qua ao, hồ, khu nuôi trồng thủy sản,...được xử lý, gia cố với những đoạn nền đất yếu trước khi đắp. Gia cố mái taluy nền đường bằng bê tông xi măng tại những đoạn nền đường đắp cao, hoặc ngập nước.

c5) Mặt đường và lề gia cố (các lớp kết cấu từ trên xuống): Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; lớp BTNC 19 dày 7cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=25mm$ dày 20cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=37,5mm$ dày 25cm.

c6) Nút giao thông: Bố trí các nút theo quy hoạch được duyệt, kết nối với các tuyến đường ô tô, đường đô thị hiệu hữu và nút vượt nối đường dân sinh; thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vượt nối êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông; bán kính mép mặt đường tối thiểu 15,0m vượt nối với đường ô tô, đường đô thị. Kết cấu mặt đường trong các nút giao với đường ô tô, đường đô thị như tuyến chính; nút giao với đường dân sinh và vượt nối đường dân sinh bằng BTXM 25MPa dày 20cm với đường hiện hữu là BTXM, đường đất, bằng BTN dày 7cm với đường nhựa. Thiết kế cống chui dân sinh tại vị trí cần thiết.

c7) Thoát nước:

- Cống thoát nước ngang:

+ Trên đoạn Km20+535-Km23+697 bố trí 09 cống các loại, gồm: 03 cống tròn $\Phi 1000$; 01 cống tròn $\Phi 1500$; 02 cống vuông $V(100 \times 100)cm$; 02 cống vuông $V(150 \times 150)cm$; 01 cống hộp $H(2,0 \times 2,0)m$.

+ Trên đoạn Km27+690-Km29+500 bố trí 05 cống các loại, gồm: 01 cống tròn $\Phi 1000$; 01 cống vuông $V(100 \times 100)cm$; 01 cống hộp $H(4,0 \times 3,5)m$; 01 cống hộp $2H(4,0 \times 3,5)m$; 01 cống hộp $3H(4,0 \times 3,5)m$.

+ Kết cấu: Cống tròn bằng BTCT 20MPa, cống vuông và cống hộp bằng BTCT 25MPa; móng cống tròn, vuông bằng BTCT 20MPa, cống hộp đặt trên lớp đệm móng bằng BT 10MPa; tường đầu, tường cánh bằng BT 15MPa, BTCT 25MPa (cống hộp khẩu độ $h > 2m$); gia cố sân cống; bố trí bản vượt đối với cống vuông và cống hộp.

- Hệ thống thoát nước dọc: Thiết kế rãnh biên trên những đoạn nền đào hoặc nền đắp thấp, rãnh hình thang, gia cố bằng BTXM 20MPa. Các đoạn qua khu vực dân cư sinh sống thiết kế rãnh hộp, cống thoát nước phù hợp.

- Công trình cầu:
- + Cầu BTCT và BTCT DUL vĩnh cửu (100 năm).
- + Tần suất thiết kế: $P=1\%$. Riêng cầu Khê Hòa thiết kế theo cao trình hiện trạng.
- + Tải trọng thiết kế: Hoạt tải HL-93 và tải trọng bộ hành 0,003MPa.
- + Khổ cầu: $B_c=0,5m+11,0m+0,5m=12,0m$.
- + Đường đầu cầu: Theo tiêu chuẩn chung của tuyến.
- + Kết cấu nhịp:

STT	Tên cầu	Kết cấu nhịp
1	Cầu Quỳnh Lưu	10 nhịp giản đơn dầm Super-T; sơ đồ nhịp $39,15m+8x40m+39,15m$
2	Cầu Quang Mỹ	17 nhịp giản đơn dầm Super-T; sơ đồ nhịp $39,15m+15x40m+39,15m$
3	Cầu Khê Hòa (thiết kế mở rộng)	01 nhịp giản đơn dầm chữ T, nhịp 33m

- + Kết cấu thượng bộ:
 - ++ Dầm Super-T (cầu Quỳnh Lưu, cầu Quang Mỹ): Bằng BTCT DUL 50MPa, chiều dài dầm $L=38,3m$, chiều cao dầm $h=1,75m$; mỗi nhịp cầu bố trí 05 dầm, cách nhau 2,4m.
 - ++ Dầm chữ T (cầu Khê Hòa): Bằng BTCT DUL 50MPa, chiều dài dầm $L=33,0m$; chiều cao dầm $h=1,7m$; mặt cắt ngang gồm 02 dầm, cách nhau 1,79m để mở rộng cầu hiện trạng về bên phải tuyến thêm 3m, đảm bảo khổ cầu $B_c=12m$.
 - ++ Bản mặt cầu: Bằng BTCT 40MPa, dày 20 cm, bố trí liên tục nhiệt đối với các cầu dầm Super-T và lớp BTCT tăng cường mặt cầu đối với cầu dầm chữ T.
 - ++ Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC 19 dày 7cm.
 - ++ Khe co giãn dạng răng lược bằng thép.
 - ++ Gối cầu: Các nhịp dầm Super-T dùng gối chậu, các nhịp dầm chữ T dùng gối cao su bản thép.
- + Kết cấu hạ bộ: Mố, trụ bằng BTCT 40MPa; móng cọc khoan nhồi bằng BTCT 35MPa.
- + Đường đầu cầu:
 - ++ Thiết kế theo tiêu chuẩn của tuyến;
 - ++ Nền đường: Trường hợp nền đất yếu, xử lý đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, lòng mố đắp vật liệu chọn lọc dạng hạt đầm chặt $K \geq 0,98$ theo quy định tại Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải.

c8) Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

c9) Hạng mục điện chiếu sáng: Thiết kế nằm bên ngoài lan can dọc một bên cầu và các tuyến đường. Nguồn điện được đấu nối từ hệ thống cấp điện hiện trạng của khu vực. Đường dây chiếu sáng đi ngầm dọc trên cầu và dưới lề đường, chiếu sáng xây dựng mới sử dụng bóng Led 120W (số lượng 114 bộ) lắp trên trụ cao 12m, cần đơn có độ vươn 1,5m. Dây dẫn sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DTSA/PVC(4x25)mm², tổng chiều dài khoảng 4.400m. Trên tuyến đường đầu cầu Quang Mỹ thực hiện di dời và sử dụng lại 11 cột đèn chiếu sáng hiện trạng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5 (TECCO5).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích đất sử dụng: 18,45ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp II.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Công trình đường 15 năm, công trình cầu 100 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 22 TCN 263 – 2000, 22 TCN 262-2000, TCVN 9398-2012, TCVN 9437-2012, TCVN 9351-2012, TCVN 4054-2005, 22 TCN 211-06, TCVN 8819-2011, TCVN 8859-2011, TCVN 4447-2012, QCVN 41:2019/BGTVT, TCVN 11823-2017, TCVN 5574-2018, TCVN 9845-2013, QCVN 07/2016/BXD, TCXDVN 259:2001, 11TCN (18, 19, 20, 21)-2006, TCVN 5574:2018,...

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: **899.435.034.000 đồng.**

(Bằng chữ: Tám trăm chín mươi chín tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 594.737.839.000 đồng.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 140.000.000.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 7.079.525.000 đồng.

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 25.012.389.000 đồng.
- Chi phí khác: 19.916.315.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 112.688.966.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có): Năm 2022 – 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Trung ương là 840 tỷ đồng và ngân sách tỉnh phần còn lại.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh quản lý, điều hành dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 467/SGTVT-QLCL ngày 08/3/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 214).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh